

CHÍNH PHỦ
Số: 111/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Thể dục, thể thao

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Thể dục, thể thao ngày 25 tháng 9 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thể dục, thể thao về cơ sở thể dục thể thao; tổ chức giải thi đấu thể thao; thể thao chuyên nghiệp; quản lý nhà nước đối với Liên đoàn thể thao quốc gia; bảo đảm các điều kiện về tài chính, đất đai cho thể dục thể thao.

Điều 2. Cơ sở thể dục thể thao

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở thể dục thể thao công lập và ngoài công lập phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục thể thao, đáp ứng nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao của xã hội.

Điều 3. Tổ chức giải thi đấu thể thao

Các giải thi đấu thể thao tổ chức tại Việt Nam do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, được bảo đảm các điều kiện về tổ chức và được công nhận các thành tích thi đấu theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Thể thao chuyên nghiệp

Thể thao chuyên nghiệp là một loại hình của thể thao thành tích cao mang tính nhà nghề và hoạt động có mục đích lợi nhuận.

Nhà nước xây dựng và phát triển thể thao chuyên nghiệp nhằm nâng cao trình độ thể thao của một số môn thể thao, đáp ứng nhu cầu văn hoá và giải trí của nhân dân.

Điều 5. Quản lý nhà nước đối với Liên đoàn thể thao quốc gia

1. Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia là tổ chức xã hội về thể dục thể thao có các thành viên tham gia tự nguyện.
2. Nhà nước có trách nhiệm quản lý và tạo điều kiện để Liên đoàn thể thao quốc gia, Hiệp hội thể thao quốc gia (sau đây gọi chung là Liên đoàn thể thao quốc gia) tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Liên đoàn, theo quy định của pháp luật và quy định của tổ chức thể thao quốc tế mà Liên đoàn là thành viên, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Chương II

LOẠI HÌNH, MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO

Điều 6. Các loại hình cơ sở thể dục thể thao

Cơ sở thể dục thể thao được tổ chức theo hai loại hình: cơ sở thể dục thể thao công lập và cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập.

1. Cơ sở thể dục thể thao công lập bao gồm:

- a) Cơ sở thể dục thể thao công lập do Nhà nước thành lập, bổ nhiệm cán bộ quản lý và giao chỉ tiêu biên chế; Nhà nước quản lý, đầu tư cơ sở vật chất, cấp kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên;
- b) Cơ sở thể dục thể thao công lập thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, bao gồm: doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích không vì mục tiêu lợi nhuận và doanh

ng nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận.

2. Cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập bao gồm:

a) Cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập thành lập theo quy định của Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ hoạt động không nhằm mục đích thương mại gồm các hình thức bán công, dân lập, tư nhân;

b) Cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, gồm các loại doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân.

Điều 7. Quy hoạch mạng lưới cơ sở thể dục thể thao

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ủy ban Thể dục Thể thao và các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch các trường đại học, cao đẳng thể dục thể thao.

2. Ủy ban Thể dục Thể thao xây dựng Quy hoạch chung mạng lưới Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và các cơ sở thể dục thể thao trong cả nước.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy hoạch các cơ sở thể dục thể thao trực thuộc, phù hợp với Quy hoạch chung của ngành thể dục thể thao.

Điều 8. Thủ tục thành lập cơ sở thể dục thể thao

1. Thủ tục thành lập trường đại học thể dục thể thao, trường cao đẳng thể dục thể thao quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Pháp lệnh Thể dục, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục.

2. Thủ tục thành lập cơ sở thể dục thể thao quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 của Điều 6 Nghị định này được quy định như sau:

a) Ủy ban Thể dục Thể thao tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin thành lập trung tâm huấn luyện thể dục thể thao quốc gia; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao xem xét, quyết định thành lập;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin thành lập cơ sở thể dục thể thao trực thuộc; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xem xét, quyết định thành lập;

c) Ủy ban nhân dân các cấp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin thành lập cơ sở thể dục thể thao do cấp mình quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định thành lập.

3. Hồ sơ xin phép thành lập cơ sở thể dục thể thao bao gồm:

a) Đơn xin thành lập;

b) Phương án hoạt động đã được cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao có thẩm quyền phê duyệt;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của tổ chức, cá nhân xin thành lập cơ sở; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc dự án đầu tư và thiết kế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt trong đó có ghi rõ nhu cầu sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về địa điểm, diện tích dự án xây dựng cơ sở thể dục thể thao;

d) Văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn của huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao.

4. Các cơ sở thể dục thể thao thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước và Luật Doanh nghiệp phải đăng ký hoạt động chuyên môn với cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao có thẩm quyền.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở thể dục thể thao

Cơ sở thể dục thể thao có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tiến hành các hoạt động thể dục thể thao theo phương án hoặc nội dung đã đăng ký.
2. Thực hiện các dịch vụ phục vụ người tập theo quy định của pháp luật.
3. Đảm bảo an toàn về người và tài sản cho người tập trong quá trình tập luyện tại cơ sở.
4. Quản lý cán bộ, nhân viên trong cơ sở.
5. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy định của pháp luật.
6. Giúp đỡ, tạo điều kiện cho trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật tham gia hoạt động thể dục thể thao.
7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở thể dục thể thao

1. Cơ sở thể dục thể thao bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về tổ chức, hoạt động;

b) Không đảm bảo quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhân viên chuyên môn.

2. Cơ sở thể dục thể thao bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Không khắc phục được tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân xin thành lập cơ sở thể dục thể thao.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép hoạt động cơ sở thể dục thể thao thì có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở thể dục thể thao đó.

Điều 11. Cơ sở thể dục thể thao nước ngoài tại Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được thành lập Cơ sở thể dục thể thao tại Việt Nam theo quy định sau:

1. Cơ sở thể dục thể thao nước ngoài tại Việt Nam hoạt động nhằm mục đích thu lợi nhuận thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2. Cơ sở thể dục thể thao nước ngoài tại Việt Nam hoạt động không nhằm mục đích thu lợi nhuận thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 12. Hệ thống giải thi đấu thể thao

1. Hệ thống giải thi đấu thể thao bao gồm: hệ thống giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng và hệ thống giải thi đấu thể thao thành tích cao.

2. Ủy ban Thể dục Thể thao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức Đại hội thể thao và giải thi đấu thể thao khu vực, châu lục, thế giới tổ chức tại Việt Nam, Đại hội Thể dục, thể thao toàn quốc.

Đại hội thể dục thể thao toàn quốc được tổ chức 4 năm một lần.

3. Ủy ban Thể dục Thể thao quản lý hệ thống giải thi đấu thể thao quốc gia.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý Đại hội Thể dục, thể thao, giải thi đấu thể thao